

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/DS-ST

Ngày 10-6-2024

Về tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hương

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn T. T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp P, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn T. G, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Có mặt bà T, bà G vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn T. T trình bày:

Bà là chủ cửa hàng bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản tên Đại lý Tám Thương, bà G là khách mua hàng thức ăn tôm và thuốc thủy sản của bà, khi bán hàng cho bà G hai bên thỏa thuận bà G lấy hàng và thiếu nợ tiền cho đến cuối vụ tôm sẽ thanh toán tiền, đến ngày 19/11/20xx bà G nghỉ nuôi tôm và còn nợ bà số tiền 310.241.000 đồng (Bay trăm mười triệu hai trăm bốn mươi một ngàn

đồng). bà G cam kết hứa hàng tháng trả cho bà số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng bà G không thực hiện.

Nay bà yêu cầu bà G trả số tiền 310.241.000 đồng (Bảy trăm mười triệu hai trăm bốn mươi một ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi án có hiệu lực.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn T. G trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của bà T về mối quan hệ làm ăn, bà có mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản của đại lý Tám Thương do bà T làm chủ, bà còn nợ bà số tiền 310.241.000 đồng (Bảy trăm mười triệu hai trăm bốn mươi một ngàn đồng), nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng trả nợ một lần theo yêu cầu của bà T được, bà xin trả dần, hàng tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về “Hợp đồng mua bán tài sản” được xem xét, giải quyết theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà T có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà G vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T. T là có căn cứ. Bởi lẽ; bà có cung cấp chứng cứ là “giấy ký nhận nợ” do bà G ký nhận nợ với bà T vào ngày 19/11/2019, đồng thời tại phiên hòa giải bà G đã thừa nhận còn nợ tiền vốn và thời gian ký nợ đúng như phía nguyên đơn trình bày. Như vậy, hai bên đã xác lập giao dịch mua bán thức ăn thủy sản, quá trình thực hiện hợp đồng bà G đã được nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền, nên phải có nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng. Hai bên đã thống nhất số tiền còn nợ là 310.241.000 đồng, do đó bà G có trách nhiệm trả cho bà T là phù hợp pháp luật.

[5] Về thời gian trả nợ: bà G đồng ý trả tiền còn nợ nêu trên, nhưng đề nghị trả dần là mỗi tháng trả 1.000.000đ. Đề nghị này không được bà T chấp nhận, đồng thời xét thấy thời gian trả tiền của bà G kéo dài quá lâu, trái với quy định pháp luật, gây thiệt thời quyền lợi cho phía bà T. Do đó, buộc bà G trả tiền vốn và tiền lãi khi án có hiệu lực.

[6] Về án phí: Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà G thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà G miễn nộp tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.*

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T. T.

Buộc bà Nguyễn T. G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn T. T số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ là 310.241.000 đồng (Ba trăm mười triệu hai trăm bốn mươi một ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn T. G được miễn nộp án phí do thuộc người cao tuổi. Bà Nguyễn T. T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T, bà G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**Đặng Văn Lắm**